

Tư_ơng Nhớ Nhà Thơ Hoàng Phong Linh Võ Đại Tôn

Vương Trùng Dương



Chi_ên Hữu Võ Đại Tôn, sau nhi_êu năm lâm bệnh tr_om trọng, qua đời t_ui Thứ Sáu 23/5/2025 tại bệnh viện Bankstown (NSW), h_ung thọ 90 tu_oi. Ngoài thơ, văn, anh được gọi là nhà hoạt động chính trị, nhà đ_ou tranh cho quê hương, T_u Qu_oc. Với tôi trong tình thân đ_ong hương (đ_o cập trong bài vi_êt n_gy) nên anh cho bi_êt gọi nhau là “chi_ên hữu”.

Các tác ph_om thơ, văn: Lời Vi_êt Cho Quê Hương (Năm 1979 tại Hoa Kỳ). Đo_on Khúc Người Ra Đi (Năm 1986 tại Úc Châu). H_ui ký T_um Máu Đen (Năm 1992 tại Úc, Hoa Kỳ năm 2000). Thơ Ti_êng Chim Bên Dòng Thác Champy (Năm 1992 tại Úc Châu và năm 2000 tái b_on tại Hoa Kỳ). Tập Truyện Chim B_oc Cành Nam (2002). Tuyển Tập Thơ Văn T_u Qu_oc – Hành Trình 30 Năm” (Úc Châu 2005).

Trước đây, cũng vào tháng 5, tôi vi_êt bài H_ui Ký Tu_oi Thơ & Chi_ên Tranh (1945-1950) c_oa Võ Đại Tôn. Theo lời anh, tìm đ_oc với bài vi_êt n_gy vì ch_o có người đ_ong hương mới hi_êu rõ nơi ch_on đ_o chia s_o.

Nay đăng lại bài vi_êt:

H_ui ký Tu_oi Thơ & Chi_ên Tranh (1945-1950) c_oa Võ Đại Tôn ra đời cách nay một thập niên. Tại California, sách đã ra m_ot

ngày 16/5/2010, tại phòng họp của cơ quan Stockton Boulevard Partnership, Banc California quy tụ các hội đoàn, đoàn thể, nhân sĩ và đồng hương tham dự rất đông để nghe diễn giả Võ Đại Tôn từ Úc sang, với tuổi đời 75. Trong bài viết của Khuất Đâu ở trong nước “Đề Tang Cho Sách” ghi lại thời điểm từ “chiến dịch bài trừ văn hóa” xuống đường đốt sách 21/5/1975... trong đó, những tài liệu trung thực về giai đoạn lịch sử này đã bị tiêu hủy. Bài viết mới nhất (4/2021) của Song Thao ở Canada: Tháng Tư Nghĩ Về Sách Sài Gòn Xưa “Gần hai chục năm trước, khi Cộng Sản tiếp thu Hà Nội, trò đốt sách đã được bày ra. Trên hai thập niên sau, họ làm y chang lại, bài vở là một thứ bìa cũ soạn lại”. Đọc lại với bao nỗi ngậm ngùi!

Ngày 12/6/2010 trong buổi sinh hoạt “Hành trình công tâm để xây dựng lại niềm tin” và ra mắt thơ văn của tác giả Võ Đại Tôn tại nhà hàng Emerald Bay, Santa Ana đã được các văn hữu như Cao Tiêu, Nguyễn Sa, Đỗ Tiến Đức và các nhân sĩ... ca ngợi tinh thần đấu tranh của chiến sĩ Quốc Gia cho lý tưởng tự do, dân chủ.

Nay đọc các bài viết trong nước đã bị lệch lạc, bóp méo sự thật vì dựa vào tài liệu tuyên truyền... Vì vậy viết lại hồi ký của tác giả Võ Đại Tôn, chứng nhân thời cuộc để trở lại sự thật của giai đoạn lịch sử: “Cái gì của César, hãy trở lại César”.

Với hồi ký “Tuổi Thơ & Chiến Tranh” trong tháng 6/2010 qua nhận định của Nguyễn Mạnh Trinh cho thấy: Đọc bút ký “Tâm Máu Đen” rồi đọc “Hồi Ký Tuổi Thơ & Chiến Tranh”, và đọc những bài thơ ký tên Hoàng Phong Linh, tôi cảm nhận rõ một điều: Sáng tác của ông là tình yêu dành cho quê hương đất nước. Phải có một tình yêu mạnh mẽ thúc đẩy nên con người chiến sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ hòa hợp thành một con người Việt Nam đã chiến đấu trong những năm tháng khốc liệt của chiến tranh từ lúc tuổi thơ cho đến khi trưởng thành. Là chiến sĩ, ông hành động theo lý tưởng của mình, chấp nhận hy sinh gian khổ. Là thi sĩ, ông làm thơ, để gần hơn với mơ mộng, để yêu thương hơn quê hương. Là văn sĩ, ông mang tâm lòng thiết tha của mình giải bày tâm

can của một người nặng lòng với đất nước...

Sau khi đọc chứng những đoạn trong hồi ký, phân tích với đoạn kết: Đọc bút ký “Tâm Máu Đen” rồi đọc “Hồi Ký Tuổi Thơ & Chiến Tranh”, và đọc những bài thơ ký tên Hoàng Phong Linh, tôi cảm nhận rõ một điều: Sáng tác của ông là tình yêu dành cho quê hương đất nước. Phải có một tình yêu mạnh mẽ thúc đẩy nên con người chiến sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ hòa hợp thành một con người Việt Nam đã chiến đấu trong những năm tháng khốc liệt của chiến tranh từ lúc tuổi thơ cho đến khi trưởng thành. Là chiến sĩ, ông hành động theo lý tưởng của mình, chấp nhận hy sinh gian khổ. Là thi sĩ, ông làm thơ, đời gần hơn với mơ mộng, đời yêu thương hơn quê hương. Là văn sĩ, ông mang tâm lòng thiết tha của mình giải bày tâm can của một người nặng lòng với đất nước.

Trong hồi ký “Tuổi Thơ & Chiến Tranh” của Võ Đại Tôn in bài giới thiệu của Trần Trung Đạo, là đồng hương, tuy tuổi đời cách nhau hơn hai mươi năm nhưng cùng chung cảnh ngộ đau buồn và cùng chung tâm cảm.

“Chúng tôi những người con đi xa, gánh trên vai đôi gánh nặng. Đất nước, quê hương, tình thương và nỗi nhớ. Nhiều khi tôi thèm làm một con chim nhỏ, bay vờ đậu trên tấm bia và đọc cho mẹ nghe những bài thơ được đan kết từ mấy mươi năm trầm luân thong thả. Nhưng không, đôi cánh chúng tôi quá nhỏ và quầng trời thì quá xa, ước mơ cũng chỉ là mơ ước. Chúng tôi chọn lựa một cách sống mà chúng tôi nghĩ là đúng nhất cho đời mình và đất nước nhưng chọn lựa nào mà chúng có hy sinh. Chúng tôi đã phải hy sinh những riêng tư thân thiết nhất.

... Từ thuở chào đời, tôi đã là một đứa bé bất hạnh. Mẹ và anh chị tôi đều mất rất sớm. Trí nhớ của tôi còn quá non nớt để giữ lại hình ảnh mẹ. Mẹ tôi qua đời vì bệnh trong một xóm nhà quê nghèo khó nên không có đến một tấm hình để lại cho tôi. Cha tôi thường bảo tôi giống cha nhiều hơn giống mẹ. Tôi cũng chẳng có cậu hay dì nên tôi lại càng không thể tìm đâu ra được một nét nào của mẹ trong những người thân còn sống.

Vì không biết mẹ, nên mẹ trở thành tuyệt đối. Khi nhìn ánh trăng tròn trong ngày rằm tháng Bảy, tôi nghĩ đó là khuôn mặt dịu dàng của mẹ, nhìn nước chảy ra từ giếng mát tôi nghĩ đến dòng sữa mẹ, nhìn áng mây trắng bay trên nền trời tôi nghĩ đến bàn tay mẹ, nhìn những vì sao trên dải thiên hà tôi nghĩ đến đôi mắt mẹ.

Nói chung, hình ảnh nào đẹp nhất, tinh khiết nhất, thiêng liêng nhất, đều được tôi nhân cách hóa nên hình ảnh mẹ. Vẻ đẹp của mẹ tôi là vẻ đẹp không những tuyệt vời mà còn là tuyệt đối. Hình ảnh duy nhất của tôi về mẹ là ngôi mộ đầy cỏ mọc dưới rặng tre già ở làng Mã Châu, một ngôi làng dệt lụa bên bờ sông Thu Bồn. Ngày tôi còn nhỏ, mỗi buổi chiều khi tan trường tiểu học, trên đường về tôi thường ghé thăm mộ mẹ, nhìn những bụi cỏ hoang, trồng thêm những chùm hoa vạn thọ. Nếu tuổi thơ là tuổi hòa nhiên với những cánh diều bay, với những con bướm vàng thơ mộng thì tôi đã không có tuổi thơ. Tuổi thơ tôi là một chuỗi ngày buồn và chờ đợi một điếu gì sắp đến.

Một tuổi thơ như thế có thể tạm gọi là tuổi thơ bất hạnh. Nhưng tuổi thơ tôi không phải là bất hạnh nhất hay ít bất hạnh hơn anh Võ Đại Tôn.

... Anh bất hạnh hơn tôi vì mẹ anh, người đàn bà vốn đang trọng bệnh trong người, đã phải chết trong hoàn cảnh vô cùng thảm thương, đau đớn.

... Anh Võ Đại Tôn cũng đã xác định quan điểm này trong hồi ký Tuổi Thơ và Chiến Tranh: “Viết lại cho tôi trở về quê hương quê hương và viết cho Tuổi Trẻ Việt Nam với niềm mong ước các thế hệ tương lai hiểu thấu, tránh xa, ngăn chặn, cùng nhau vượt qua mọi chướng ngại để cứu nguy Tổ Quốc và hóa giải mọi trở lực để quang phục quê hương.

... Với tuổi đã ngoài bảy mươi, lẽ ra anh nên dành khoảng thời gian mà anh tự nhận là “hoàng hôn của một đời người” để đi đây đi đó thăm viếng người thân, tạm biệt bạn bè, hay ngồi yên nhàn bên tách trà, chén rượu, nhìn mặt trời lên cao ngoài biển

rộng, nhìn bóng tà dương khuất dần sau đỉnh núi cao, không, anh không thể an nhàn như thế được. Còn một hơi thế anh còn đóng góp, còn cất lên được một tiếng nói anh còn tìm cách để trao gửi những ước mơ chưa làm được hết của anh cho các thế hệ mai sau. Anh cố gắng dành thời gian còn lại để viết. Dù bàn tay anh có run hơn, đôi mắt có yếu hơn, anh vẫn cố gắng viết, bởi vì con người ai cũng phải chết nhưng sự thật lịch sử phải được sống, sống cho hôm nay và cho mãi mãi về sau...”.

Với hời ký của anh Võ Đại Tôn qua các bài viết của các văn hữu, trong đó có Trần Trung Đạo và Nguyễn Mạnh Trinh, tôi thấy cũng đã cảm nhận những gì tác giả Võ Đại Tôn chia sẻ sau sáu thập niên sống nơi cộng hương.

Trong thời gian qua, anh và tôi thường viết qua email, anh than tuổi già sức yếu, mỗi lần nghĩ đến đất nước và cộng hương lòng đau quặn thắt, không cảm được nước mắt. Cho đến lúc này, anh vẫn mang niềm đau vì không về được cộng hương, không ôm mẹ trong vòng tay như lúc tuổi thơ!

Trong mùa đại dịch quái ác này, ở nhà chán quá, tôi lục lại những quyển sách cũ ra đọc lại để giết thời giờ, nào ngờ hời ký của anh Võ Đại Tôn, một lần nữa làm tôi xúc động nên ghi lại những dòng cảm nghĩ.

Sau biến cố tang thương của đất nước, tháng năm 1975, vợ chồng anh Võ Đại Tôn vượt biên sang Mã Lai đến định cư tại Úc Châu năm 1976.

Năm 1972, Võ Đại Tôn (Trung Tá) kết hôn với chị Tuyết Mai, dạy ở trung học Long Khánh và làm xướng ngôn viên đài truyền hình Việt Nam, bằng tuổi số 9. Năm 1978, vợ chồng sinh được cháu trai Võ Đại Nam (Cu Lý) và sau đó mẹ quá cả phê Cu Lý đã có dịp gặp gỡ thân hữu. Với cuộc sống gia đình đang hạnh phúc như vậy nhưng anh mang nặng tâm lòng nợ nước nên tháng 2 năm 1981 trở về lại quê hương để tham gia kháng chiến phục quốc (qua đường rừng Thái-Lào) nhưng đã bị sa cơ vào tháng 10, 1981, tại biên giới Lào Việt.

Anh bị tù biệt giam hơn 10 năm tại trại tù Thanh Liệt (B-14), ngoại thành Hà Nội. Thế nhưng từ khi bị tù cho đến khi được thả ra đến trại ở Úc, anh là người đi giữa hai lần đạn bắn thủ thuật Cộng Sản Hà Nội đã dàn dựng, gài bẫy, bôi nhọ... khi anh nói rằng bị cắt xén để phát thanh và đăng báo!

Trong cuộc họp báo quốc tế ngày 13 tháng 7 năm 1982 tại Hà Nội, anh lên án chế độ tàn bạo CSVN nhưng do CS tổ chức, dàn dựng thì thành phần hiện diện (trong và ngoài nước) là người của tổ chức nên việc phơi bày qua thủ thuật tráo tráo, đánh lận con đen. (Trong bài Phỏng Vấn Võ Đại Tôn, 40 Năm Đấu Tranh của Hữu Nguyên đã trả lời chi tiết về chuyện trả lại phục quốc và cuộc họp báo).

Khi được ra khỏi trại tù CS, anh cũng được ăn uống và chụp hình đăng báo... Từ đó anh đã chứng kiến những trò gian manh, lật lọng của Việt Minh trong gia đình nhưng không hiểu vì sao anh lại bị gài bẫy dàn dựng như vậy? Điều bí ẩn đó tuy bất thường với mọi người nhưng với anh chỉ là “vụ kịch” của bọn chúng trong giai đoạn, anh vẫn tiếp tục con đường đấu tranh suốt cuộc đời ở hải ngoại.

Trong thời điểm đó có hàng vạn sĩ quan, viên chức VNCH đang bị cầm tù ở miền Bắc nhưng CS không dàn dựng mà đem con cò phục quốc ra với dụng ý đen tối cho thành phần này trước công luận. Vào thời điểm năm 1981, ở Úc có ít người Việt tỵ nạn, chưa có tổ chức đấu tranh nào, anh đứng thân trong đơn lẻ, tổ chức là trái tim và con đường quang phục là quê hương.

Với tôi, khi còn ở trong nước đã biết và khi tỵ nạn tại Hoa Kỳ khi đọc hai nguồn tin trái ngược nhau bên vực và chông chênh... nên im lặng. Ngay cả bên thân anh cũng bị xuyên tạc là “Hạ sĩ quan thông dịch viên, viên chức quên của VNCH”!.

Khi người chông chênh ra đi, cuối năm 1981 chị Tuyết Mai đẹp quán rũ vào làm việc ở Bưu Điện Úc. Sau khi biết tin chông chênh bị cầm tù, chị đã vận động với báo chí và chính quyền can thiệp cho chông chênh (thân phụ chị bị chết trong lao tù CS) nên chị quyết tâm

tranh đấu đến cùng cho đến khi cuối năm 1991, Bộ Ngoại Giao Úc báo tin cho biết anh Võ Đại Tôn được ra tù và trở lại Úc... Có lẽ trong hoàn cảnh nghiệt ngã nhất, bi thảm nhất chỉ có người vợ mới cảm thông và lặng lẽ tìm mọi cách để cứu thoát cho chồng. Hình ảnh chị cũng như bao người “vợ tù cải tạo” đã viết nên “trang sử” đẹp, đáng trân trọng...

Trong email, tôi nói anh viết vài dòng tiêu sử cho chính xác, và anh chỉ viết là người lính, viên chức VNCH, là chiến sĩ đấu tranh cho lý tưởng Quốc Gia, Dân Tộc. Cấp bậc, chức vụ có gì đáng nói... mà điều đáng nói đã thể hiện qua thơ văn của Hoàng Phong Linh, Võ Đại Tôn trong bốn thập niên qua. Nay tuổi anh đã gần đất xa trời, đau yêu những vấn giữ vững tinh thần chống Cộng, yêu chuộng tự do, dân chủ cho quê hương, đất nước. Tôi hiểu và nhân quyền hai ký này để chia sẻ cho nhau.

Thật ra, viết về hai ký này chỉ là phần nhỏ với tóm lược, phải đọc từng dòng trong hai ký mới cảm nhận được những gì tác giả nói lên trong tận đáy lòng.

*

Quê nội tôi nằm bên cạnh sông Thu Bồn, từ Quốc Lộ I, từ cầu Cao Lâu chạy dài theo hướng Đông xuống các làng ở phía Nam thành phố Hội An. Tên gọi xã Điện Phương hiện nay qua những lần thay đổi thuộc quận Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ranh giới xã Điện Phương ở phía Tây thành phố Hội An, phía Bắc giáp Tỉnh Lộ 608 (Vĩnh Điện – Hội An), phía Đông của Quốc Lộ 1 (cạnh cầu Cao Lâu) và phía Nam giáp sông Thu Bồn). Điện Phương vẫn giữ tên các làng cũ như Thanh Chiêm, Phước Kiệu, Phú Chiêm, Kim Bồng (thời gian thuộc xã Cẩm Kim)... Theo dòng lịch sử thì những làng này được hình thành mấy trăm năm về trước thời Nguyễn Hoàng, trong đó có di dân từ Thanh Hóa. Vài làng nơi này nơi tiếng nghề đúc đồng từ thời vua Tự Đức. Nghề bánh tráng và mì Quảng nơi tiếng từ xưa. Làng Kim Bồng rất nơi tiếng về nghề mộc, hủu hớt các kiềng trúc của Hội An đều do bàn tay tài hoa của nơi này. Nghề dệt chiếu phên biến nhiều làng.

✖ Dòng họ Tộc Trồn có 5 phái nên con cháu rớt đông, ị dọc theo tị và hữu ngạn sông Thu Bồn trong hai xã Xuyên Quang, Xuyên Thái, quận Duy Xuyên (nay là xã Duy Phước) cũng gộp với làng Kim Bồng. Nhà thờ Tộc Trồn của tôi có ị Phú Chiêm và nhà thờ Tộc Võ của anh ị Kim Bồng.

Cũng như các nơi khác của Quảng Nam, đất đai khô cằn vào mùa hè, nghề nông vất vả nên người dân phải sống bằng những ngành nghề khác. Hơn nữa ị địa danh này gộp sông Thu Bồn nên gánh chịu bao thiên tai vào mùa bão lụt. Quê nội anh Võ Đại Tôn ị Kim Bồng, cũng khoảng thập niên 1920, thân phụ anh ra Đà Nẵng lập nghiệp, xây dựng cơ ngơi vững chắc.

Hội ký “Tuổi Thơ & Chiến Tranh” dày 212 trang, bài giới thiệu của Trồn Trung Đạo (trang 5 đến trang 26) ghi nhận những điếu, theo tôi, là đong hương, cùng cảnh ngộ, cùng văn giới, chứng nhân nỗi thống khổ với nhau, nơi cội hương, thăng trầm của lịch sử, cảm nhận nỗi lòng anh Võ Đại Tôn qua thơ văn... mới viết được như vậy. Bài viết là tâm bút, khó có người cầm bút thứ hai trang trải với tận đáy lòng.

“Tôi sinh ra tại Hội Châu, thị xã Đà Nẵng nhưng thực ra nguyên quán dòng họ Ông Cha là làng Kim Bồng, xã Điện Phương... Tôi là đứa con thứ tám trong số mười người con của cha mẹ tôi, chín anh em trai và một chị gái” (trang 32).

“Gia đình bác, cha mẹ và chú tôi, đều sống chung trong một ngôi nhà tạ Ngã Năm thành phố Đà Nẵng Được xây cất từ năm 1924, hiện nay là Long Phụng Từ Đường thuộc Tộc Võ)” (trang 34). Bác, cha và chú anh trùng thâu với người Pháp xây cất ngôi nhà thờ Thiên Chúa Giáo Chính Tòa (nhà thờ Con Gà) năm 1923, nơi danh công trình độc đáo. Vì vậy cha mẹ anh cho con cái học trường Pháp ị Đà Nẵng.

Sau Đế Nhị Thệ Chiến, Nhật đầu hàng, Việt Minh cướp chính quyền. Pháp trở lại Việt Nam, khi Pháp chiếm lại Đà Nẵng và lập lại hệ thống cai trị, cuộc chiến xảy ra... Hội ký ghi lại giai đoạn tàn cư vì chiến tranh (1945-1950). Giữa năm 1946, sợ

chiến tranh xảy ra ở thành phố Đà Nẵng nên gia đình anh di tản về quê nội ở Kim Bồng “Tuổi thơ của tôi bắt đầu đi vào một khúc quanh gai góc, vì chiến tranh” (trang 51).

Rồi từ đó người dân sống trong tình cảnh “một cái hai trong”, ngày thì bị Pháp bắt ráp (ruộng, cần), Việt Minh bắt phải nộp gạo để nuôi quân trong khi người dân thiếu ăn cơm gạo với khoai, sắn. Và đêm thì bị Việt Minh bắt thanh niên (nam, nữ) tham gia lực lượng chống Pháp. Riêng gia đình anh gặp phải tình cảnh trở trêu vì nghi còn thân Pháp. Việt Minh còn bắt buộc nhà của anh phải treo hình “cụ Hồ” cũng là trò thâm độc vì khi Pháp đi ruộng bắt vào nhà mà thấy hình này thì đốt nhà để gây lòng hận thù với Pháp. Trong hồi ký, anh từng chỉ tiết về thời đoạn gây tai họa cho gia đình anh.

Trong một lần Pháp đi ruộng, vào nhà anh lục soát, chú và các anh chị nói chuyện bằng tiếng Tây nên không làm khó gì cả. Nhưng tai họa lại giáng lên đầu nhà anh “Từ lúc có Tây qua làng ruộng bắt, rồi có người cộng tình phao tin đồn là nhà tôi điếm cho Tây bắt cán bộ Việt Minh...” (trang 88). Ông “chết, cán bộ cao cấp của Cộng Sản” là con trai của người tá điền làm ruộng cho nhà anh, trở thành hung thủ. Trong khi tất cả cơ ngơi song thân anh ở Đà Nẵng bị Tây tịch thu thì gia đình anh ở làng quê bị kết tội thân Tây. Gia đình bị cô lập, sống trong hoàn cảnh khó khăn, luôn luôn bị rình rập, cả tuổi thơ của anh chịu đựng mọi cơ cực. Nơi đau đớn cùng khi mẹ anh bị ho lao, làm cái chòi nhỏ để ở riêng vì sợ bị lây (theo ý mẹ anh), không có thuốc men nên bị cơn đau hành hạ ngày đêm. Trước tình thế đó “Sau nhiều đêm bàn tán, thêm nhiều ý kiến tính tới tính lui. Tôi được biết bác và cha tôi đồng thuận để cho mẹ tôi về lại Đà Nẵng, có hai chú đi theo” (trang 104). Đoạn đường từ Kim Bồng theo đường bộ ra Đà Nẵng rất khó khăn vì bị kiểm soát gắt gao của Việt Minh và Tây. “Lúc ra đi, mẹ tôi 43 tuổi, chú Tám Dương 47, còn chú Mười 31 (Tháng 6 năm 1947)” (trang 110). Chuyến đi định mệnh đã biết tầm cho đến năm 1959, 1960 mới biết thềm cảnh xảy ra!

“Đến năm 1955, các anh tôi đều đã là sĩ quan trong Quân Đội

Quốc Gia. Tôi vẫn còn đi học tại Sài Gòn. Anh Hai tôi được đi tu nghiệp tại Pháp (trường bộ binh Saint Maxent), có gởi vớ cho anh Năm tôi một bức thư dài kể lại chi tiết sự kiện năm 1949 vớ đôi giày cườm của mẹ tôi tại làng Cù Lư (xã Điện Nam, Quảng Nam), kèm theo một bản đồ ghi rõ địa điểm liên hệ... Lúc này anh Năm tôi phục vụ tại Phân Khu Nam-Ngãi-Định trong chiến dịch tiếp thu hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi. Anh Sáu tôi thì đã mãn khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức (khóa 4/54, và đi tu nghiệp khóa “commando” ở Watchay – Hải Phòng (Ghi thêm: Khóa 4 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, nhập khóa ngày 23 tháng 11 năm 1953 (dưới thời Quốc Trưởng Bửu Đại) và mãn khóa ngày 1 tháng 6 năm 1954. Tổng số sĩ quan ra trường hồi đó là 1200)... Chúng tôi phải đợi đến năm 1959 (gần 13 năm sau, đêm mẹ và hai chú tôi ra đi từ làng Kim Bồng, 1947) sau khi anh Năm tôi được bổ nhiệm làm Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn 2 Bộ Binh... Năm 1960, anh Năm tôi được bổ nhiệm làm tỉnh trưởng Quảng Nam” (trang 118, 119).

Tác giả chỉ gọi anh chị theo thứ tự trong đình như cách gọi của nhiều gia đình mà thôi. Anh Năm của anh là Đại Tá Võ Hữu Thu, lúc đó ở Quảng Nam có sự tranh chấp đảng phái và tôn giáo nên chọn vị tỉnh trưởng của địa phương, không tôn giáo. Đại Tá Võ Hữu Thu nổi tiếng thanh liêm, cương trực, người dân nơi này rất quý mến (sau này ứng cử vào Dân Biểu Quốc Hội).

(Ghi thêm: Năm 1960, anh Võ Đại Tôn làm Trưởng Ban 5, Trại Biệt Kích Long Thành, anh thông thạo tiếng Pháp và Anh nên không cần thông dịch viên nên sau này họ xuyên tạc, gán anh là hạ sĩ quan thông dịch viên. Sang thời Đệ Nhị Cộng Hòa, chính phủ Phan Huy Quát thành lập ngày 16/02/1965 nâng Phái Đặc Ủy Dân Vận Chiêu Hồi thành Bộ Chiêu Hồi. Tổng Trưởng đầu tiên là Trần Văn Ân (trong tháng 3) kế đến là đến là Thiệu Tướng Nguyễn Bửu Trị. Anh Võ Đại Tôn, sĩ quan cấp tá trong QL Việt Nam Cộng Hòa, đã từng được biệt phái ngoại ngạch sang nhiều công vụ dân chính và sau cùng Giám Đốc Công Tác Bộ Chiêu Hồi).

Trở lại với hồi ký “Anh Năm tôi có nhờ ông Quận Trưởng quận Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam lúc bấy giờ (ông Trần Quốc Thái) đưa đi thám sát vùng làng Cù Lư (theo bản đồ của anh Hai tôi vẽ

lại)... Ông Quận Trưởng còn cho biết là trước đây trong thời kỳ chiến tranh, khu vực này do Việt Minh (Cộng Sản) kiểm soát. Có một đồng viên Cộng Sản tên là Huỳnh Thân làm trưởng ban ám sát, nổi tiếng giết người không run tay trong làng này và các vùng lân cận. Trong một cuộc hành quân của Quân Đội Quốc Gia, tên thân bị bắt và hiện còn giam tại lao xá tỉnh Quảng Nam - Hội An...

Qua hồ sơ lý lịch và những bản cung khai của tên Thân này, các cơ quan an ninh Quốc Gia tại địa phương kiểm chứng, anh Năm tôi cho chuyển đương sự về sở An Ninh Quân Đội để thẩm vấn thêm, Anh tôi đích thân hỏi cung, ghi thêm chi tiết nhiều sự kiện vào hồ sơ tội ác của đương sự” (trang 118, 119).

Theo lời kể của hai ông Minh và Miêng (chợ nhà, ân nhân giúp tá túc) và lời cung khai của Huỳnh Thân, tên sát thủ ghi lại:

“Mẹ và hai chú tôi từ giã nhà hai ông Minh và Miêng vào giữa đêm khuya sau khi vào nhà xin tạm nghỉ chân một lúc, băng qua làng Cù Lư đi ra đường cái thì bị một nhóm Việt Minh (Cộng Sản) bắt giữ... Cả ba người đã bị tra khảo, đánh đập suốt 3 ngày đêm, bị kết tội là tìm đường đi “liên lạc” với Tây” (trang 120) và để cập đến các thủ đoạn tra khảo quá tàn nhẫn, nhất là người đàn bà đang bị bệnh ho lao trầm trọng.

“Hơn và hai tên thanh niên dẫn ba người ra một bãi cát trống, đêm sáng mờ mờ qua ánh trăng khuyết. Không có đèn theo đèn đuốc gì cả, chỉ có cầm theo hai cái cuốc. Hơn bắt mẹ tôi ngồi riêng một chỗ. Còn hai chú thì được lệnh lấy cuốc tự đào một cái hố nhỏ. Xong rồi, khi chú Mười tôi còn đang đứng bên miệng hố, chưa biết làm gì thêm, thì thỉnh lĩnh tên Thân chụp một cái cuốc, phang ngang lưng chú một nhát mạnh làm chú ngã chúi xuống hố, nằm sấp, đau quần quại.

Trước cảnh tượng bắt ngờ như vậy, chú Tám Dương tôi chưa kịp la lên thì hơn đứng phía sau dùng chân đạp chú té xuống hố. Chú tôi vừa cồm lớp ngóp bò lên vừa la xin tha mạng. Hơn đứng trên miệng hố cát, cầm cuốc phang xuống, trúng ngay vào trán

của chú tôi, làm chú té bật ngửa ra, nằm đè trên lưng chú Mười. Hai người chưa chết.

Rồi, hân đôn xốc mẹ tôi đứng dậy trong khi mẹ tôi đang ôm mặt khóc lớn. Hân lạnh lùng đôn mẹ tôi đôn cạnh miệng hân, xô xuống thật mạnh, mẹ tôi rớt xuống, nằm sấp trên người chú Tám. Hân đứng trên hân, cồm cuộm cúi xuống phang mồm nhất thật mạnh vào lưng mẹ tôi, làm cõ thân hình mẹ tôi quằn cong lại.

Cả ba người chưa chết, nhưng không còn sức bò dậy được nữa, nằm im trong máu, chung một hân cát cạn. Tên Thân và đặng bọn dùng cuộm xúc cát lấp hân lại rồi bỏ đi. Chôn sòng!” (trang 124, 125).

Với tội ác dã man tày trời của tên Huỳnh Thân, nhưng người con của mẹ – Đại Tá Tinh Trung Quàng Nam – với cái tâm nhân bản của người Quốc Gia, không đem ra xõ bõn mà “Sau nhiều ngày bàn tính trước sự đau khổ cùng cực của gia đình, anh Năm tôi đành phải chuyển tên Thân ra lao xá Thừa Phõ Huõ đõ cho chính quyền xét xõ theo luật pháp võ nhiều tôi trạng giõt người khác, không đõ cho chúng tôi thõy mặt hõn” (trang 130).

Ba quan tài được di chuyển từ làng Cõ Lưu võ bờ sông Thu Bõn gõn Hội An đõ an táng.

Anh lại chứng kiến hình õnh quá bi thương: Nước Trõi Mõ Mẹ. Năm 1972, anh từ Sài Gòn ra Quàng Nam trong một chuyển công tác, đứng bên nõy bờ sông Hội An thõy nước lụt dâng lên ngập cõ làng Kim Bõng bên kia sông, tởng chừng nước cuõn trõi luôn mõ mẹ anh nên xúc động làm bài thơ:

“Con quỳ bên ni dòng sông

Bên tê mõ Mẹ!

Trõi ơi, nước ngập tràn đõng

Từng khúc xương trõi đau lòng con trõ.

Con mang trong người thịt xương của Mẹ

Chừ trông nước lụt dâng v□

Con còn bên ni, Mẹ m□t bên tê,

Sóng bao la v□, b□n b□ Mẹ mô?

Ngày xưa Mẹ ch□t, con khóc m□t khô,

Chừ xương Mẹ trôi, h□n con nước lụt.

✕ ...

Con quỳ bên ni, linh h□n tê bu□t

M□n răng mà v□ bên tê chừ, Mẹ ôi!

Quê hương nước ngập tận trời

H□n con khóc suốt một đời không nguôi!...”

(Trang 142, 144)

Sau khi mẹ anh và hai người chú ra đi biệt tăm, cha và người thân trong gia đình anh còn □ lại làng quê Kim B□ng trong 3 năm, năm tháng đó với anh là tháng này b□t hạnh, đau thương nhất, địa ngục c□a c□a cuộc đời. Tu□i thơ c□a anh được mẹ cưng nhất, nuông chì□u, lúc nào cũng g□n gửi bên mẹ nay m□t đi hình □nh thiêng liêng, cao quý nhất mà anh luôn luôn tôn thờ cùng với cuộc s□ng tận cùng c□a xã hội với bao đ□ng cay!

“Chúng tôi v□ lại Đà N□ng sau g□n 5 năm (1945-1950) đi t□n cư v□ làng quê Kim Đ□ng, vì chi□n tranh... Tôi đã m□t tu□i thơ và đi□u đau đớn nhất, còn in sâu vào suốt đời tôi mãi đ□n hôm nay, là tôi đã m□t mẹ!” (trang 183).

Cũng như anh, quê nội tôi □ các làng nơi đây lâu đời, th□y tôi là nhà nho, sùng đạo Phật nên rời quê r□t sớm kho□ng năm 1920 theo dòng Trường Giang vào Thăng Bình mưu sinh với chữ nghĩa, lập nghiệp và các anh chị ra đời từ đó. Tu□i thơ học □ Hội An nên th□nh tho□ng tôi ghé v□ quê nội... cho đ□n nay hơn sáu thập niên, tôi chưa bi□t gì v□ c□ hương, ngay nhà thờ Tộc Tr□n và

nơi chốn xa xưa chỉ được biết qua hình ảnh, email của các cháu...

Trong thời kỳ Việt Minh, tôi chưa biết gì, chỉ nghe qua lời kể của anh chị trong gia đình, hình như các làng quê miền Trung dọc theo duyên hải, ở đâu cũng vậy, người dân hoàn cảnh “một cửa hai trông” qua các năm dài. Tôi đã đọc nhiều về số liệu trong giai đoạn này như quyển Chiến Tranh 1946-1954 (từ chiến tranh Việt Minh – Pháp đến chiến tranh ý thức hệ Quốc – Cộng) của Trần Gia Phụng năm 2018, dày 568 trang. Đây là một quyển sách viết rất công phu với chú thích và hình ảnh trong bộ sách Số Việt Đại Cương của tác giả trong mấy thập niên ở Canada. Nhưng chưa đọc tác phẩm nào viết lại giai đoạn này ở làng quê của 3 miền đất am tường. Bút ký lịch sử Một Con Gió Bụi của cụ Trần Trọng Kim cho đến nay được đánh giá là tác phẩm quan trọng của giai đoạn lịch sử nhưng tổng quát trên chính trường...

Hội ký “Tuổi Thơ & Chiến Tranh” của tác giả Võ Đại Tôn chỉ đề cập đến quãng thời gian 5 năm (1945-1950) xảy ra trong gia đình và nơi cư hương với gông kìm giữa Việt Minh & Pháp. Tháng 6 năm 1948, Hiệp định Vịnh Hạ Long, Pháp đồng ý thành lập Quốc Gia Việt Nam gồm cả ba miền Bắc Trung Nam, nằm trong Liên Hiệp Pháp. Hè năm 1949 chính phủ Quốc Gia Việt Nam ra đời, cựu hoàng Bảo Đại về nước làm Quốc Trưởng, đất nước có hai chính phủ trong tình trạng tranh tài tranh sáng. Theo sách của Trần Gia Phụng: “Lãnh thổ hai chính phủ không phân biệt giới tuyến rõ rệt. Chính phủ nào cũng tự nhận là chủ nhân chính thống toàn bộ đất nước” (Sđd trang 235)... nên ngoại trừ ở những thành phố lớn, những nơi “xôi đậu”, làng quê bị Việt Minh răn đe, ám sát người theo Quốc Gia và đồng phái đi lập... tình trạng càng căng thẳng và bi đát giữa cuộc chiến ý thức hệ Quốc/Cộng trước khi phân chia hai miền chiến tuyến. Qua số liệu giúp tôi liên tưởng đến các bài viết đã đọc với bối cảnh, thân phận, nỗi đau thực sự trên quê hương!

Từ lâu, qua thơ văn của anh Võ Đại Tôn mới nhận nhau là đồng hương, khi đọc lại hồi ký của anh Võ Đại Tôn mới biết thêm được góc gác, gọi lại trong tôi niềm cảm xúc.

Anh viết hồi ký này, theo lời chia sẻ, bằng trái tim, cảm xúc tốt cùng và theo anh, nhiều lúc mắt nhòe đi trước màn hình computer vì quá xúc động. Lời thật chân tình và thán phục anh có trí nhớ rất tốt.

Có hiểu nỗi lòng, lý tưởng của anh mới hiểu được vì sao khi vừa mới ty nạn tại Úc, vợ anh còn trẻ, con thơ nhưng anh đành từ bỏ để chọn con đường gian nguy.

Tôi không đề cập đến vấn đề chính trị ở đây vì trong quá khứ, như đã nói, anh là nạn nhân “đi giữa hai lần đạn”. Anh đã đi khắp nơi gặp gỡ, trình bày công cuộc dấn thân cho chính nghĩa. Như đã đề cập, anh không bao giờ nhắc đến thân thế của gia đình, của những người anh trong Quân Lực VNCH mà chỉ nói về bản thân từ khi rời quê hương và trở lại quê hương với cái mộng, nêu gọi là “đội đá vá trời” để “quang phục quê hương”! Vì sao và tại sao, chỉ có trái tim chân chính của anh với tình thân đầy nhiệt huyết người con họ Võ ở Kim Bồng ảnh hưởng những bậc tiền nhân ngày xưa của Quảng Nam đã hy sinh cho đại cuộc.

Sự dấn thân cho quê hương của anh Võ Đại Tôn đã trả cái giá quá đắt từ lao tù và cả thị phi, từ tâm lòng chân chính của bản thân đến sự hoài nghi của nhiều người và sự đánh phá của kẻ thù... nhưng với tôi, anh vẫn là chiến sĩ, người lính của QLVNCH.

Với bút hiệu Hoàng Phong Linh qua các bài thơ trước năm 1975. Sau này với các thi phẩm Lời Viết Cho Quê Hương, Đoán Khúc Người Ra Đi và Tiếng Chim Bên Dòng Thác Champy, nhà xuất bản Bút Khuất in hành năm 1992, dày 119 trang.

Một số bài thơ của anh đã được phổ nhạc, trong đó có bài Mẹ Việt Nam Ôi! Chúng Con Vẫn Còn Đây, sáng tác năm 1972 được Nguyễn Ánh 9 phổ thành ca khúc vào tháng Giêng 1975. Ca khúc này được các ca sĩ trình bày, phổ biến rộng rãi vào thời điểm đó. Ở hải ngoại, Việt Dzũng và Nguyệt Ánh khi lưu diễn khắp nơi đều mở đầu với ca khúc này. Bài thơ và ca khúc này cho đến

nay vẫn được người Việt tị nạn hải ngoại coi như lời tâm niệm.

Lời kết trong hồi ký của anh: “Tôi đã mất Tuổi Thơ và điếu đau đớn nhất in sâu vào suốt cuộc đời tôi mãi đến hôm nay là tôi đã mất Mẹ” niềm đau và nỗi lòng của người con, chiến sĩ Quê Gia bị đánh mất quê hương!

*

Trong những năm qua, anh nằm trong bệnh viện, thỉnh thoảng hai anh em email với nhau, anh không than cho bệnh tật bản thân vì đã một đời cống hiến cho quê hương và đã trải qua bao nhiêu nghiệt ngã, đau thương nhưng than cho tuổi già đau yếu nên không được theo đuổi giấc mơ cho quê hương được tự do, thanh bình!

Nay anh đã ra người thiên cổ! Vĩnh biệt Chiến Hữu Võ Đại Tôn!
Xinthrop nén hương lòng tưởng nhớ đến anh.

Little Saigon 5/2025

Vương Trùng Dương